

**UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG**

Số: 30 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đăk Song, ngày 16 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi NSNN năm 2017**

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư hướng dẫn số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND, ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Song về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đăk Song tại Tờ trình số 06/TTr-TCKH, ngày 05/01/2017 về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi NSNN năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 như ghi trong các biểu mẫu kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đăk Song và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Noi nhận:

- UBND tỉnh Đăk Nông;
 - Sở Tài chính tỉnh Đăk Nông;
 - TT. Huyện ủy;
 - TT. HĐND huyện;
 - CT, các PCT UBND huyện;
 - Các phòng, ban, ngành thuộc huyện;
 - UBND các xã, thị trấn;
 - Lưu VT.
- báo cáo

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thanh

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND huyện Đăk Song)

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Nơi đóng	Số liệu
A	Ngân sách cấp huyện	
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	291.415.000
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	54.028.000
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%	34.759.000
	- Các khoản thu phân chia NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ (%)	19.269.000
2	Bổ sung từ NS cấp tỉnh	230.087.000
	- Bổ sung cân đối	211.946.000
	- Bổ sung có mục tiêu	18.141.000
3	Thu kết dư ngân sách	6.800.000
4	Thu chuyển nguồn năm trước	
5	Thu các khoản để lại QLQNS	500.000
II	Chi ngân sách cấp huyện	284.526.980
1	Theo phân cấp (không kể BS cho ngân sách xã, thị trấn)	243.815.000
	Trong đó : Chi chuyển nguồn sang năm sau	
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	40.711.980
	- Bổ sung cân đối	33.602.980
	- Bổ sung có mục tiêu	7.109.000
III	Kết dư ngân sách	
B	ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện	
I	Nguồn thu ngân sách xã, phường, thị trấn	47.600.000
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	6.888.020
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	40.711.980
	- Bổ sung cân đối	33.602.980
	- Bổ sung có mục tiêu	7.109.000
3	Thu kết dư ngân sách	
II	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn	47.600.000
III	Kết dư ngân sách	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG

Mẫu số 23/CKTC

NHIỆM VỤ THU NSNN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UBND, ngày 06/01/2017 của UBND huyện Đăk Song)

ĐVT: Ngàn đồng

Nơi đóng thu	Dự toán năm 2017	
	Tỉnh giao	HĐND huyện giao
Tổng thu NSNN trên địa bàn (A+B)	83.075.000	88.075.000
A. Thu trong cân đối	82.575.000	87.575.000
I. Thu thuế phí, lệ phí	69.255.000	69.255.000
1. Thu từ DN/NN TW	700.000	700.000
- Thuế giá trị gia tăng	630.000	630.000
- Thuế tài nguyên	60.000	60.000
- Thu khác	10.000	10.000
Trong đó: + Ngành thuế thu phạt	3.000	3.000
2. Thu từ DN/NN ĐP	8.623.000	8.623.000
- Thuế giá trị gia tăng	3.965.000	3.965.000
Trong đó: + Thu từ thủy điện	3.900.000	3.900.000
- Thuế thu nhập DN	1.010.000	1.010.000
- Thuế tài nguyên	3.620.000	3.620.000
Trong đó: + Thu từ thủy điện	3.600.000	3.600.000
- Thu khác	28.000	28.000
Trong đó: + Ngành thuế thu phạt	7.000	7.000
3. Thu từ DN có vốn ĐTNN	92.000	92.000
- Thuế giá trị gia tăng	90.000	90.000
- Thu khác	2.000	2.000
Trong đó: + Ngành thuế thu phạt	1.000	1.000
4. Thu thuế ngoài quốc doanh	27.905.000	27.905.000
- Thuế giá trị gia tăng	22.530.000	22.530.000
Trong đó: + Thu từ thủy điện	1.290.000	1.290.000
- Thuế thu nhập DN	1.470.000	1.470.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100.000	100.000
- Thuế tài nguyên	2.290.000	2.290.000
Trong đó: + Thu từ thủy điện	990.000	990.000
- Thu khác	1.515.000	1.515.000
Trong đó: + Ngành thuế thu phạt	390.000	390.000
5. Thuế thu nhập cá nhân	9.880.000	9.880.000
6. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	20.000	20.000
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	650.000	650.000
8. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	14.430.000	14.430.000
9. Lệ phí trước bạ	5.355.000	5.355.000
10. Thu phí và lệ phí		

- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước Trung ương thực hiện thu	780.000	780.000
- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu	770.000	770.000
- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước cấp huyện, xã hiện thu	3.805.000	3.805.000
<i>Trong đó: Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản</i>	<i>620.000</i>	<i>620.000</i>
<i>Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính</i>	<i>2.300.000</i>	<i>2.300.000</i>
11. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.600.000	1.600.000
<i>Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp</i>	<i>1.600.000</i>	<i>1.600.000</i>
II. Thu tiền sử dụng đất	10.000.000	15.000.000
III. Thu khác ngân sách	3.320.000	3.320.000
1. Thu phạt hành chính, bán tài sản tịch thu	2.000.000	2.000.000
<i>Trong đó: Cơ quan Trung ương thực hiện</i>	<i>1.601.000</i>	<i>1.601.000</i>
2. Thu phạt ANTGT	1.200.000	1.200.000
3. Thu khác	120.000	120.000
B. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	500.000	500.000
1. Thu huy động đóng góp	500.000	500.000



CÁC KHOẢN THU CĂN ĐỘNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

TỔNG THU NSDP	279.615.000	291.415.000
A. Nguồn thu cố định và điều tiết	49.028.000	54.028.000
1. Các khoản thu hưởng 100%	29.759.000	34.759.000
- Thu phí và lệ phí	2.035.000	2.035.000
- Thu phạt hành chính, tịch thu	2.000.000	2.000.000
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000	20.000
- Tiền sử dụng đất	10.000.000	15.000.000
- Lệ phí trước bạ	14.430.000	14.430.000
- Thu khác	1.274.000	1.274.000
2. Các khoản thu hưởng phân chia	19.269.000	19.269.000
- Thuế giá trị gia tăng	11.013.000	11.013.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.240.000	1.240.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	100.000	100.000
- Thuế thu nhập cá nhân	6.916.000	6.916.000
B. Thu kết dư ngân sách		6.800.000
C. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	500.000	500.000
1. Thu huy động đóng góp	500.000	500.000
D. Thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh	230.087.000	230.087.000
1. Bổ sung cân đối	211.946.000	211.946.000
2. Bổ sung NS có mục tiêu	18.141.000	18.141.000

NHIỆM VỤ CHI NSNN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND huyện Đăk Song)

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2017
	TỔNG CHI (A+B)	291.415.000
A	Chi trong cân đối (I+II+III+IV)	290.915.000
I	Chi đầu tư phát triển	32.128.000
II	Chi Chương trình MTQG	0
III	Chi thường xuyên	251.683.000
1	Chi quốc phòng	3.955.000
2	Chi an ninh	1.079.000
3	Chi đặc biệt	
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	147.823.000
5	Chi sự nghiệp y tế	837.000
6	Chi Dân số và KHH gia đình	
7	Chi ứng dụng khoa học và công nghệ	335.000
8	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	2.094.000
9	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình - thông tấn	1.553.000
10	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao	789.000
11	Chi bảo đảm xã hội	6.298.000
12	Chi sự nghiệp kinh tế	13.169.000
13	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.811.000
14	Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể	68.890.000
15	Chi khác ngân sách	1.200.000
16	Tạo nguồn vốn vay của Ngân hàng chính sách	300.000
17	Kinh phí tăng lương và một số chế độ theo quy định	1.550.000
IV	Chi dự phòng	6.984.000
V	Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL	120.000
B	Chi từ nguồn thu quản lý qua NSNN	500.000
*	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2017 để thực hiện CCTL	4.862.000

NHIỆM VỤ CHI NSNN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UBND, ngày 06/01/2017 của UBND huyện Đăk Song)

(ĐVT: Ngàn đồng)

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2017		
		Tổng số	NS huyện	NS xã
TỔNG CHI (A+B)		291.415.000	243.815.000	47.600.000
A	Chi trong cân đối (I+II+III+IV)	290.915.000	243.815.000	47.100.000
I	Chi đầu tư phát triển	32.128.000	32.128.000	0
1	Chi đầu tư XDCB (nguồn vốn phân cấp uỷ quyền)	11.228.000	11.228.000	
2	Chi từ nguồn thu SDĐ	15.000.000	15.000.000	
3	Chi từ nguồn kết dư	5.900.000	5.900.000	
II	Chi Chương trình MTQG	0	0	0
III	Chi thường xuyên	251.683.000	205.513.000	46.170.000
1	Chi quốc phòng	3.955.000	1.750.000	2.205.000
2	Chi an ninh	1.079.000	554.000	525.000
3	Chi đặc biệt			
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	147.823.000	147.463.000	360.000
5	Chi sự nghiệp y tế	837.000	837.000	0
6	Chi Dân số và KHH gia đình			
7	Chi ứng dụng khoa học và công nghệ	335.000	200.000	135.000
8	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin	2.094.000	1.779.000	315.000
9	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình - thông tấn	1.553.000	1.400.000	153.000
10	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao	789.000	519.000	270.000
11	Chi bảo đảm xã hội	6.298.000	5.898.000	400.000
12	Chi sự nghiệp kinh tế	13.169.000	12.739.000	430.000
13	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.811.000	1.526.000	285.000
14	Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể	68.890.000	27.798.000	41.092.000
15	Chi khác ngân sách	1.200.000	1.200.000	
16	Tạo nguồn vốn vay của Ngân hàng chính sách	300.000	300.000	
17	Kinh phí tăng lương và một số chế độ theo quy định	1.550.000	1.550.000	
IV	Chi dự phòng	6.984.000	6.054.000	930.000
V	Tiết kiệm 10% thực hiện CCTL	120.000	120.000	
B	Chi từ nguồn thu quản lý qua NSNN	500.000		500.000
*	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2017 để thực	4.862.000	3.627.000	1.235.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NSNN NĂM 2017 DO HUYỆN QUẢN LÝ

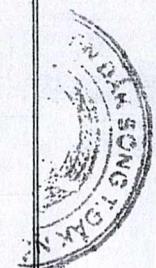
(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UBND, ngày 06/01/2017 của UBND huyện Đăk Song)

(Đvt: Triệu đồng)

Stt	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế bố trí vốn đến 31/12/2016	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch 2017	Trong đó		Ghi chú
							Ngân sách phân cấp về NSĐP	NSĐP	
A	TỔNG CỘNG (A+B+C)		84.577,97	21.673	8.132,23	32.128	11.228	20.900	
A	Các công trình hoàn thành và chuyển tiếp		28.667,97	20.473	8.132,23	2.670	2.358	2.312	
I	Ngân sách tĩnh phân cấp về NSĐP		16.934,57	11.533	5.338,83	2.358	2.358	0	
1	Công trình hoàn thành trước 31/12/2016		7.438,20	4.913	2.462,46	1.383	1.383	0	
1.1	Trường MG Hoa Sen xã Nam Bình, hạng mục: Nhà lớp học 03 phòng	Ban QLDA	1.661	1.200	398,26	398,26	398,26		Đã QT
1.2	Đường GT E29 xã Đăk Mol (GĐ1)	Ban QLDA	2.105	1.518	587	166	165,74		72%
1.3	Trường MG Hoa Mai, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song – Hạng mục: Nhà lớp học 02 phòng.	Phòng GD&ĐT	1.185	630	555	318	318		53%
1.4	Trường MG Hướng Dương, Thôn Đăk Rmo, xã Đăk N'Drung, huyện Đăk Song – Hạng mục: Nhà lớp học 01 phòng	Phòng GD&ĐT	630	350	280	154	154		56%
1.5	Nhà làm việc tổ tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ theo cơ chế 1 cửa - UBND xã Đăk Hòa	Ban QLDA	717	650	67	0			91%
1.6	Trường MN Hoa Ban, xã Thuận Hà, huyện Đăk Song – Hạng mục: Nhà lớp học 02 phòng	Phòng GD&ĐT	1.140	565	575	347	347		50%

Stt	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế bố trí vốn đến 31/12/2016	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch 2017	Trong đó		Ghi chú
							Ngân sách phân cấp về NSĐP	NSĐP	
2	Công trình chuyển tiếp		9.496	6.620	2.876	975	975,00	0	10%
2.1	Nhà hội trường UBND thị trấn Đức An	Ban QLDA	1.708	1.300	408	66	66		76%
2.2	Trường TH Nguyễn Viết Xuân xã Thuận Hạnh, hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng, 02 tầng.	Ban QLDA	2.683	2.040	643	106	106		76%
2.3	Trường TH Chu Văn An thị trấn Đức An, hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng, 02 tầng.	Ban QLDA	2.424	1.562	862	377	377		64%
2.4	Trường Mầm non Tạ Thị Kiều xã Nâm N'Jang, hạng mục: Nhà chức năng 02 phòng, 04 phòng vệ sinh	Ban QLDA	1.536	1.100	436	128	128		72%
2.5	Hệ Thống điện khu dân cư TDP 4 Thị trấn Đức An	Ban QLDA	1.145	618	527	298	298		54%
II	Ngân sách huyện		11.733	8.940	2.793	312	0	2.312	
1	Công trình hoàn thành trước 31/12/2016		6.691	5.065	1.626	250	0	250	
1.1	Hoa viên TDP 5 thị trấn Đức An	Ban QLDA	2.171	1.700	471	0		0	78%
1.2	Đường GT thôn Đák Lư xã Nâm N'Jang	Ban QLDA	4.520	3.365	1.155	250		250	74%
2	Công trình chuyển tiếp		5.042	3.875	1.167	62	0	2.062	
2.1	Đường vào nhà văn hóa tổ dân phố 2 thị trấn Đức An	Ban QLDA	1.200	960	240	0			80%
2.2	Đường GT nội thị TDP 3 thị trấn Đức An	Ban QLDA	700	465	235	0			66%
2.3	Đường GT TDP 7 thị trấn Đức An	Ban QLDA	828	600	228	62		62	72%

Stt	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế bố trí vốn đến 31/12/2016	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch 2017	Trong đó		Ghi chú
							Ngân sách phân cấp về NSDP	NSDP	
2.4	Xây dựng vỉa hè QL14 đoạn qua trung tâm thị trấn Đức An	Ban QLDA	2.314	1.850	464	0		0	80%
2.5	Trụ sở Đảng ủy, HĐND & UBND xã Nam Bình	Ban QLDA	4.860			2.000		2.000	41%
B	Công trình dự kiến mở mới năm 2017		55.910	1.200	0	22.958	8.870	14.088	41%
I	Công trình dự kiến mở mới từ nguồn thu sử dụng đất và nguồn tĩnh phân cấp về NSDP		40.110			16.858	8.870	8.188	
1	Trường THCS Nguyễn Tất Thành; hạng mục Nhà đa năng	Ban QLDA	2.000			900		900	45%
2	Nâng cấp đường tổ dân phố 2 thị trấn Đức An	Ban QLDA	3.000			1.200		1.200	40%
3	Nhà văn hóa xã Nâm N'Jang	Ban QLDA	2.300			900		900	39%
4	Đường GT thôn 3 di thôn Bùng Bình xã Nâm N'Jang	Ban QLDA	3.000			1.200		1.200	40%
5	Trường tiểu học Lê Đình Chinh; hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng	Ban QLDA	4.000			1.600	1.600	0	40%
6	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm; hạng mục: Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	Ban QLDA	4.000			1.600	1.600	0	40%
7	Đường giao thông thôn 10 - thôn 6 xã Nam Bình	Ban QLDA	3.500			1.400		1.400	40%
8	Đường E29 xã Đăk Mol (giai đoạn 2)	Ban QLDA	4.000			1.600	1.600		40%
9	Đường giao thông thôn 7, xã Đăk N'Drung	Ban QLDA	2.500			1.000	1.000		40%
10	Lưới điện chiếu sáng trên Quốc lộ 14 thuộc thôn 10, thôn 11 xã Nam Bình	Ban QLDA	1.500			600		600	40%
11	Thao trường thôn 6 xã Thuận hà	UBND xã Thuận Hà	1.800			670	670	0	37%



Stt	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng số vốn đầu tư đã đầu tư	Truy kế bổ trí vốn đầu tư	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch 2017	Trong đó		Ghi chú
							Ngân sách phân cấp về NSDP	NSDP	
12	Nhà làm việc phòng Văn hóa và Thông tin	Ban QLDA	2.000	2.000		900	900	0	45%
13	Đường lênh trụ sở làm việc UBND xã Nam Bình	UBND xã Nam Bình	2.010			788		788	39%
14	Đường GT từ Quốc lộ 14C đi thôn 5, thôn 6 xã Thuận Hà	Ban QLDA	4.500			1.900	1.500	400	42%
15	Tiền đề bù công trình: Đường giao thông từ thôn Tân Bình I đi thôn Tân Bình II xã Đák Hòa	Ban QLDA	800	1.200		800		800	100%
II	Các công trình mở mới dự kiến từ nguồn kết dư ngân sách huyện		15.800			5.900	0	5.900	
	Hội trường UBND xã Đák N'Drung	Ban QLDA	1.800			700		700	39%
	Đường GT thôn 8 xã Trường Xuân	Ban QLDA	3.000			1.200		1.200	40%
	Hoa viên ngã ba QL14 - QL 14C	Ban QLDA	1.500			600		600	40%
	Trụ sở làm việc HĐND & UBND xã Nâm N'Jang	Ban QLDA	5.000			2.000		2.000	40%
	Chợ xã Nam Bình	Ban QLDA	4.500			1.400		1.400	31%
C	Bố trí vốn công tác đo đạc, đăng ký đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính					4.500		4.500	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK SONG

Mẫu số 29/CKTC

TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU

HUYỆN ĐĂK SONG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của UBND huyện Đăk Song)

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu	
		NS tỉnh	NS huyện
1	Thuế giá trị gia tăng	50	50
2	Thuế thu nhập Doanh nghiệp	50	50
3	Thuế thu nhập cá nhân	70	30
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt		100
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100
6	Tiền sử dụng đất		100
7	Lệ phí trước bạ		100

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK SONG**

Mẫu số 30/CKTC

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHẦN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ, THỊ TRẤN
ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN THU PHÁT SINH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐĂK SONG**

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND, ngày 06/01/2017 của UBND huyện Đăk Song)

ĐVT: %

STT	Xã, thị trấn	Chi tiết theo sắc thuế														
		Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế tiêu thụ đặc biệt			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế bảo vệ môi trường		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	UBND thị trấn Đức An	50	45	5	50	40	10	0	100	0	30	70	0	70	30	0
2	UBND xã Nam Bình	50	45	5	50	45	5	0	100	0	30	70	0	70	30	0
3	UBND xã Thuận Hà	50	40	10	50	40	10	0	100	0	30	70	0	70	30	0
4	UBND xã Đăk Môl	50	40	10	50	40	10	0	100	0	30	70	0	70	30	0
5	UBND xã Đăk Hòa	50	40	10	50	40	10	0	100	0	30	70	0	70	30	0
6	UBND xã Đăk N'Drung	50	40	10	50	40	10	0	100	0	30	70	0	70	30	0
7	UBND xã Trường Xuân	50	40	10	50	40	10	0	100	0	30	70	0	70	30	0
8	UBND xã Nâm N'Jang	50	45	5	50	45	5	0	100	0	30	70	0	70	30	0
9	UBND xã Thuận Hạnh	50	45	5	50	10	10	0	100	0	30	70	0	70	30	0

ĐỒ TẢNG THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 50/QĐ-UBND, ngày 06/01/2017 của UBND huyện Đăk Song)

ĐVT: Ngàn đồng

TT	Xã, thị trấn	Tổng thu NSNN trên địa bàn xã, thị trấn	Thu NS xã, thị trấn được hưởng theo phân cấp	Tổng chi cân đối NS xã, thị trấn	Bổ sung từ ngân sách huyện		
					Tổng số	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu
1	UBND xã Nam Bình	14.866.700	932.355	4.363.000	3.430.645	2.827.645	603.000
2	UBND xã Đăk N'Drung	6.689.600	737.950	6.738.000	6.000.050	5.022.050	978.000
3	UBND xã Đăk Môl	2.567.400	363.760	4.983.000	4.619.240	4.023.240	596.000
4	UBND xã Thuận Hạnh	14.772.400	1.070.645	6.007.000	4.936.355	4.159.355	777.000
5	UBND xã Trường Xuân	6.209.900	699.840	5.897.000	5.197.160	4.364.160	833.000
6	UBND xã Nâm N'Jang	18.337.400	1.059.680	4.730.000	3.670.320	3.003.320	667.000
7	UBND xã Đăk Hòa	2.051.000	450.840	4.194.000	3.743.160	3.153.660	589.500
8	UBND xã Thuận Hà	5.149.900	499.950	5.922.000	5.422.050	4.499.550	922.500
9	UBND thị trấn Đức An	17.430.700	1.073.000	4.766.000	3.693.000	2.550.000	1.143.000
Tổng cộng:		88.075.000	6.888.020	47.600.000	40.711.980	33.602.980	7.109.000